

**QUYẾT ĐỊNH**

**V/v phê duyệt kế hoạch lựa chọn nhà thầu Gói thầu: Mua thuốc cổ truyền, thuốc từ dược liệu thuộc danh mục thuốc đấu thầu tập trung cấp cơ sở năm 2018, Dự án: Mua thuốc khám, chữa bệnh cho Bệnh viện đa khoa huyện Buôn Đôn**

**CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH**

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/06/2015;

Căn cứ Luật Dược số 105/2016/QH13 ngày 06/4/2016;

Căn cứ Luật Đấu thầu số 43/2013/QH13 ngày 16/11/2013;

Căn cứ Nghị định số 63/2014/NĐ-CP ngày 26/6/2014 của Chính phủ, về việc quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đấu thầu về lựa chọn nhà thầu;

Căn cứ Thông tư số 11/2016/TT-BYT ngày 11/5/2016 của Bộ trưởng Bộ Y tế, quy định việc đấu thầu thuốc tại các cơ sở y tế công lập;

Căn cứ Thông tư số 09/2016/TT-BYT ngày 05/5/2016 của Bộ trưởng Bộ Y tế, ban hành danh mục thuốc đấu thầu, danh mục thuốc đấu thầu tập trung, danh mục thuốc được áp dụng hình thức đàm phán giá;

Căn cứ Quyết định số 16/2017/QĐ-UBND ngày 26/5/2017 của UBND tỉnh, về thẩm quyền trong đấu thầu mua sắm tài sản, hàng hóa, dịch vụ sử dụng ngân sách Nhà nước nhằm duy trì hoạt động thường xuyên của các cơ quan Nhà nước, đơn vị trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk;

Theo Báo cáo thẩm định số 131/BC-SYT ngày 09/4/2018 của Sở Y tế, về đề nghị phê duyệt kế hoạch lựa chọn nhà thầu Gói thầu: Mua thuốc cổ truyền, thuốc từ dược liệu thuộc danh mục thuốc đấu thầu tập trung cấp cơ sở năm 2018 thuộc Dự án: Mua thuốc khám, chữa bệnh cho Bệnh viện đa khoa huyện Buôn Đôn;

Xét đề nghị của Giám đốc Bệnh viện đa khoa huyện Buôn Đôn tại Tờ trình số 26/TTr-BVĐK ngày 28/3/2018,

**QUYẾT ĐỊNH:**

**Điều 1.** Phê duyệt kế hoạch lựa chọn nhà thầu Gói thầu: Mua thuốc cổ truyền, thuốc từ dược liệu thuộc danh mục thuốc đấu thầu tập trung cấp cơ sở năm 2018 thuộc Dự án: Mua thuốc khám, chữa bệnh cho Bệnh viện đa khoa huyện Buôn Đôn (chi tiết tại các Phụ lục kèm theo).

**Điều 2.** Giao Bệnh viện đa khoa huyện Buôn Đôn (chủ đầu tư) chịu trách nhiệm tổ chức thực hiện mua thuốc cổ truyền, thuốc từ dược liệu thuộc danh mục thuốc đầu thầu tập trung cấp cơ sở năm 2018 theo đúng quy định tại Điều 1 Quyết định này và các quy định hiện hành của Nhà nước; đồng thời, chịu trách nhiệm về giá, tiêu chí kỹ thuật và danh mục mua sắm thuốc tại Điều 1 Quyết định này.

Giao Sở Y tế có trách nhiệm theo dõi, hướng dẫn, giám sát Bệnh viện đa khoa huyện Buôn Đôn tổ chức thực hiện mua thuốc cổ truyền, thuốc từ dược liệu thuộc danh mục thuốc đầu thầu tập trung cấp cơ sở năm 2018 theo đúng tiến độ và quy định pháp luật hiện hành; đảm bảo cung ứng thuốc kịp thời phục vụ công tác khám, chữa bệnh cho nhân dân.

Giao Sở Kế hoạch và Đầu tư chủ trì, phối hợp với các đơn vị có liên quan tổ chức giám sát, theo dõi hoạt động đầu thầu tại Phụ lục kèm theo Điều 1 Quyết định này.

**Điều 3.** Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh; Giám đốc các Sở: Y tế, Tài chính, Kế hoạch và Đầu tư; Giám đốc Bảo hiểm Xã hội tỉnh; Giám đốc Bệnh viện đa khoa huyện Buôn Đôn và Thủ trưởng các đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này, kể từ ngày ký.

*Nơi nhận*

- Như Điều 3;
- TT HĐND tỉnh (b/c);
- CT, PCT UBND tỉnh;
- Lãnh đạo VP UBND tỉnh;
- Lưu: VT, KGVX, KT. (Y\_12)



**KT. CHỦ TỊCH  
PHÓ CHỦ TỊCH**

**H'Yim Kđoh**

**Mua thuốc cổ truyền, thuốc từ dược liệu thuộc danh mục thuốc đấu thầu tập trung cấp cơ sở năm 2018**

**Dự án: Mua thuốc khám, chữa bệnh cho Bệnh viện đa khoa huyện Buôn Đôn**

(Kèm theo Quyết định số 758 /QĐ-UBND ngày 12 /4/2018 của Chủ tịch UBND tỉnh)

[illegible]

**PHỤ LỤC 2: GÓI THẦU THUỐC CỔ TRUYỀN, THUỐC DƯỢC LIỆU CẤP CƠ SỞ NĂM 2018**

**Dự án: Mua thuốc khám, chữa bệnh cho Bệnh viện đa khoa huyện Buôn Đôn**

(Kèm theo Quyết định số: **758** /QĐ-UBND ngày **12** / **4** /2018 của Chủ tịch UBND tỉnh)

| TT | Thành phần thuốc                                                                                                                                  | Nhóm thuốc | Nồng độ/ Hàm lượng (theo số đăng ký) | Đường dùng, Dạng bào chế | Đơn vị tính | Đơn giá (đồng) | Số lượng | Thành tiền (đồng) |
|----|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------------|--------------------------------------|--------------------------|-------------|----------------|----------|-------------------|
| 1  | Diệp hạ châu, Bồ bồ, Chi tử.                                                                                                                      | 1          |                                      | Uống, viên nén bao đường | Viên        | 510            | 150.000  | 76.500.000        |
| 2  | Actiso                                                                                                                                            | 2          |                                      | Viên hoàn cứng           | Viên        | 250            | 200.000  | 50.000.000        |
| 3  | Kim tiền thảo.                                                                                                                                    | 1          | 165mg                                | Uống, viên nang          | Viên        | 409            | 50.000   | 20.450.000        |
| 4  | Kim tiền thảo, Chi thực, Nhân trần, Hậu phác, Hoàng cầm, Bạch mao căn, Nghệ, Bình lang, Mộc hương, Đại hoàng.                                     | 1          |                                      | Uống, viên               | Viên        | 1.260          | 100.000  | 126.000.000       |
| 5  | Kim tiền thảo, Trạch tả, (Thực địa), (Đường kính trắng).                                                                                          | 1          |                                      | viên hoàn cứng, gói 5g   | Viên        | 4.500          | 80.000   | 360.000.000       |
| 6  | Độc hoạt, Phòng phong, Tang ký sinh, Đỗ trọng, Ngưu tất, Trinh nữ, Hồng hoa, Bạch chi, Tục đoạn, Bồ cốt chi.                                      | 1          |                                      | Uống, viên nang          | viên        | 2.150          | 90.000   | 193.500.000       |
| 7  | Tần giao, Đỗ trọng, Ngưu tất, Độc hoạt, Phòng phong, Phục linh, Xuyên khung, Tục đoạn, Hoàng kỳ, Bạch thực, Cam thảo, Đương quy, Thiên niên kiện. | 1          | 5g                                   | Uống, viên hoàn cứng     | Gói/túi 5g  | 4.900          | 100.000  | 490.000.000       |
| 8  | Bạch truật, Đảng sâm, Liên nhục, Cát cánh, Sa nhân, Cam thảo, Bạch linh, Trần bì, Mạch nha, Long nhãn, Sứ quân tử, Bán hạ.                        | 1          | 100ml                                | Uống, Siro               | Chai/lọ     | 28.000         | 6.000    | 168.000.000       |
| 9  | Bạch truật, Mộc hương, Hoàng Đảng, Hoài sơn/Sơn Dực, Trần bì, Hoàng liên, Bạch linh, Sa nhân, Bạch thực, Cam thảo, Đảng sâm.                      | 1          | 4g                                   | Uống, viên hoàn cứng     | Gói/túi     | 4.000          | 3.600    | 14.400.000        |
| 10 | Bạch truật, Phục thần/Bạch linh, Hoàng kỳ, Toan táo nhân, Nhân sâm/Đảng sâm, Mộc hương, Cam thảo, Đương quy, Viễn chí, (Long nhãn), (Đại táo).    | 1          | 9g                                   | Uống, viên hoàn mềm      | Viên        | 5.400          | 60.000   | 324.000.000       |
| 11 | Bạch truật, Phục thần/Bạch linh, Hoàng kỳ, Toan táo nhân, Nhân sâm/Đảng sâm, Mộc hương, Cam thảo, Đương quy, Viễn chí, (Long nhãn), (Đại táo).    | 2          | 60ml                                 | Uống, cao lỏng           | lọ          | 40.990         | 2.000    | 81.980.000        |
| 12 | Nghệ vàng.                                                                                                                                        | 1          | 100ml                                | Uống, thuốc nước         | chai/lọ     | 54.000         | 500      | 27.000.000        |
| 13 | Đan sâm, Tam thất, Borneol/Băng phiến/Camphor.                                                                                                    | 2          |                                      | Uống, viên               | Viên        | 460            | 30.000   | 13.800.000        |
| 14 | Lá sen, Lá vông/Vông nem, Lạc tiên, (Tâm sen), (Bình vôi), (Trinh nữ).                                                                            | 1          |                                      | Uống, viên nang cứng     | viên        | 1.400          | 20.000   | 28.000.000        |

| TT                         | Thành phần thuốc                                                                                                                                       | Nhóm thuốc | Nồng độ/ Hàm lượng (theo số đăng ký) | Đường dùng, Dạng bào chế | Đơn vị tính | Đơn giá (đồng) | Số lượng | Thành tiền (đồng)    |
|----------------------------|--------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------------|--------------------------------------|--------------------------|-------------|----------------|----------|----------------------|
| 15                         | Sinh địa, Mạch môn, Thiên môn/Thiên môn đông, Táo nhân, Bá tử nhân, Huyền sâm, Viễn chí, Ngũ vị tử, Đảng sâm, Đương quy, Đan sâm, Phục thần, Cát cánh. | 1          |                                      | Uống, viên nang cứng     | Viên        | 560            | 40.000   | 22.400.000           |
| 16                         | Xuyên khung, Tần giao, Bạch chi, Đương quy, Mạch môn, Hồng sâm, Ngõ thù du, Ngũ vị tử, Bằng phiến/Borneol.                                             | 2          | 8g                                   | Uống, viên hoàn cứng     | gói         | 12.000         | 18.000   | 216.000.000          |
| 17                         | Bách bộ, Cát cánh, Mạch môn, Trần bì, Cam thảo, Bối mẫu, Bạch quả, Hạnh nhân, Ma hoàng.                                                                | 1          | 100ml                                | Uống, cao lỏng           | chai/lọ     | 28.500         | 4.000    | 114.000.000          |
| 18                         | Húng chanh, Núc nác, Cineol                                                                                                                            | 1          | 90ml                                 | Uống, Chai 90ml          | Chai        | 31.500         | 5.000    | 157.500.000          |
| 19                         | Trần bì, Cát cánh, Tiền hồ, Tô diệp, Tử uyển, Thiên môn, Tang bạch bì, Tang diệp, Cam thảo, Ô mai, Khương hoàng, Menthol.                              | 1          | 200ml                                | Chai 200ml               | Chai        | 25.000         | 3.000    | 75.000.000           |
| 20                         | Đương quy, Bạch truật, Nhân sâm/Đảng sâm, Quế nhục, Thục địa, Cam thảo, Hoàng kỳ, Phục linh/Bạch linh, Xuyên khung, Bạch thược.                        | 1          |                                      | Uống, thuốc nước         | ống         | 4.120          | 40.000   | 164.800.000          |
| 21                         | Thục địa, Hoài sơn, Đan bì/Đơn bì/Mẫu đơn bì, Trạch tả, Bạch linh/Phục linh, Sơn thù, Phụ tử chế/Hắc phụ, Quế/Quế nhục.                                | 1          |                                      | Uống, viên               | Viên        | 175            | 40.000   | 7.000.000            |
| 22                         | Đảng sâm, Thục địa, Quế, Ngũ gia bì, Đương qui, Xuyên khung, Long nhãn, Trần bì.                                                                       | 1          | 250ml                                | Uống                     | Chai/Lọ     | 45.150         | 2.000    | 90.300.000           |
| 23                         | Hà thủ ô đỏ/Ngưu tất, (Bạch thược/Xích thược), Đương quy, Xuyên khung, Ích mẫu, Thục địa/Sinh địa, (Hồng hoa), (Đan sâm).                              | 1          | 200ml                                | Uống                     | Chai/Lọ     | 42.250         | 4.000    | 169.000.000          |
| 24                         | Hà thủ ô đỏ/Ngưu tất, (Bạch thược/Xích thược), Đương quy, Xuyên khung, Ích mẫu, Thục địa/Sinh địa, (Hồng hoa), (Đan sâm).                              | 1          |                                      | Uống, viên nén bao đường | Viên        | 750            | 200.000  | 150.000.000          |
| 25                         | Thục địa, Hoài sơn, Sơn thù, Đan bì/Mẫu đơn bì, Bạch linh/Phục linh, Trạch tả.                                                                         | 1          |                                      | Uống, Hoàn mềm           | Viên        | 4.200          | 10.000   | 42.000.000           |
| 26                         | Ích mẫu, Hương phụ, Ngải cứu, (Đương quy).                                                                                                             | 1          | chai 180ml                           | Uống, cao lỏng           | chai        | 31.500         | 500      | 15.750.000           |
| <b>Tổng cộng: 26 Khoản</b> |                                                                                                                                                        |            |                                      |                          |             |                |          | <b>3.197.380.000</b> |